TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHỤNG HIỆP** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 101/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 06 - 5 - 2025
V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHỤNG HIỆP, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Hữu Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Út;
Ông Nguyễn Thành Quyến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Cẩm Giang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 06 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 75/2025/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2025, về tranh chấp ly hôn và nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2025, và Quyết định hoãn phiên tòa số: 64/2025/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Huỳnh Thị Ánh N, sinh năm 1987
Địa chỉ: ấp L, xã T, huyện P, tỉnh Hậu Giang. Có yêu cầu xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn*: Nguyễn Văn T, sinh năm 1988
Địa chỉ: ấp P, xã T, huyện P, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện xin ly hôn, nguyên đơn là bà Huỳnh Thị Ánh N trình bày:

Nguyên đơn và bị đơn là ông Nguyễn Văn T tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2006, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống chung hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bị đơn không còn quan tâm, chăm sóc gia đình, mà có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, dẫn đến cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Do đó, vợ chồng vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay.

Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Chí N1, sinh ngày 23 tháng 3 năm 2007 và Nguyễn Huỳnh Kim C, sinh ngày 16 tháng 5 năm 2020. Hiện do nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn là ông Nguyễn Văn T; yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn là ông Nguyễn Văn T vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt; nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Xuất phát từ mâu thuẫn vợ chồng, các đương sự đã sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Thời gian sống ly thân đã lâu, nhưng các đương sự không gặp gỡ để bàn biện pháp hàn gắn quan hệ hôn nhân; bỏ mặc vợ, chồng để sống ly thân; không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Quá trình giải quyết vụ án, phía bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không có mặt để trình bày ý kiến có mong muốn đoàn tụ hay không. Từ đó cũng đủ thấy hôn nhân giữa các đương sự đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn.

[3.2] Về con chung: Đối với con chung là Nguyễn Chí N1 hiện đã hơn 18 tuổi và không có nhược điểm về thể chất, tâm thần nên không đặt ra xem xét về quyền nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng của nguyên đơn hay bị đơn; cháu Nguyễn Huỳnh Kim C đã được nguyên đơn nuôi dưỡng ổn định từ lúc các đương sự ly thân cho đến nay nên không cần thiết phải xáo trộn. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn về việc trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu bị

đơn cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện và có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3] Về tài sản: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung; bị đơn không có mặt để xác định có tài sản chung, nợ chung hay không, có yêu cầu Tòa án giải quyết hay không. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, mà ghi nhận cho các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn bằng vụ kiện khác nếu có tài sản chung và nợ chung.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Huỳnh Thị Ánh N.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Ánh N được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

1.2. Về con chung: Bà Huỳnh Thị Ánh N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Huỳnh Kim C, sinh ngày 16 tháng 5 năm 2020; ông Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con. Bà Huỳnh Thị Ánh N cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông Nguyễn Văn T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

1.3. Về tài sản chung: Không yêu cầu, không xem xét.

2. Về án phí: Bà Huỳnh Thị N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, khấu trừ từ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001765 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang thành án phí, không ai phải nộp thêm.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND H.Phụng Hiệp;
- Chi cục THADS H.Phụng Hiệp;
- UBND xã Tân Long, H.Phụng Hiệp;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Hữu Thắng